**Môn: Toán**

# **BÀI:** EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ

**(Tiết 1)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

***2.2. Năng lực đặc thù***

- Ôn tập về số và phép tính:

+ Viết số theo cấu tạo thập phân của số: viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

+ So sánh, sắp thứ tự các số.

+ Thực hiện các phép tính cộng, trừ.

+ Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm thành phần trong phép cộng.

+ Giải quyết vấn đề đơn giản.

- Ôn tập về đo lường:

+ Khối lượng: ki-lô-gam.

+ Độ dài: mét.

- Sử dụng các thuật ngữ: *có thề, chắc chắn, không thể* để diễn đạt tình huống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV, hình vẽ bài thử thách.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 10 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Ai nhanh hơn?  - GV: Viết hai số lên bảng. (Lưu ý: chọn số khi tính toán có nhớ không quá 1 lần.) | - HS: Viết một phép tính (cộng hoặc trừ), gọi tên các thành phần của phép tính. |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1***  - GV đặt câu hỏi, hướng dẫn HS tìm hiểu bài:  + Quan sát hình vẽ, em nhận biết điều gì?  + Bài toán yêu cầu gì?  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: Thảo luận và làm bài.  - GV mời HS trình bày, khuyến khích HS giải thích cách làm.  - GV nhận xét  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2***  - GV đọc lần lượt từng phép tính, yêu cầu HS thực hiện trên bảng con  754 – 623 548 – 170  62 + 218 450 - 36  - GV sửa bài, khuyến khích học sinh nói lại cách đặt tính và cách tính  - GV nhận xét  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3***  - GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết:  + Yêu cầu của bài  + Tìm thế nào?  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm đôi  - GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.  + GV lưu ý HS kiểm tra lại kết quả  Ví dụ: 150 – 40 – 80 = 30 nên 40 + 30 + 80 = 150  ……  - GV nhận xét phần trình bày của HS | - HS trả lời câu hỏi:  + Bảng số có các cột trăm - chục - đơn vị  + HS đọc yêu cầu của bài toán  - HS thảo luận làm bài  - HS trình bày và giải thích  a) Bàn tính thể hiện: 1 trăm, 2 chục và 7 đơn vị. Đội A: 127 bạn.  Đội B: 265 bạn ; Đội C: 174 bạn; Đội D: 261 bạn  b) Viết số thành tổng  127 = 100 + 20 + 7; 265 = 200 + 60 + 5  174 = 100 + 70 + 4; 261 = 200 + 60 + 1  c) Xác định bắt đầu từ số lớn nhất và sắp xếp các số từ lớn đến bé:  265; 261; 174; 127.  d) Thực hiện phép trừ: 265 – 127 = 138  Đội nhiều học sinh nhất hơn đội ít học sinh nhất 138 (bạn)  - HS lắng nghe  - HS thực hiện trên bảng con  - HS trình bày  - HS lắng nghe  - HS thảo luận, nhận biết:  + Tìm số  + Tổng 3 số trong cùng một hàng, cùng cột hay cùng hàng chéo đều bằng 150.  - HS thực hiện theo nhóm đôi  - HS đọc kết quả và giải thích:    - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....................................................................

**Môn: Toán**

# **BÀI:** EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ

**(Tiết 2)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

***2.2. Năng lực đặc thù***

- Ôn tập về số và phép tính:

+ Viết số theo cấu tạo thập phân của số: viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

+ So sánh, sắp thứ tự các số.

+ Thực hiện các phép tính cộng, trừ.

+ Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm thành phần trong phép cộng.

+ Giải quyết vấn đề đơn giản.

- Ôn tập về đo lường:

+ Khối lượng: ki-lô-gam.

+ Độ dài: mét.

- Sử dụng các thuật ngữ: *có thề, chắc chắn, không thể* để diễn đạt tình huống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV, hình vẽ bài thử thách.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 10 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Bingo  Luật chơi: Học sinh kẻ bảng gồm 9 ô. Trên mỗi ô chon 1 số bất kì từ 200 đến 250 viết lên. Học sinh lần lượt mỗi bạn hô 1 số. Học sinh nghe và đánh dấu trên bảng số của mình. Ai đánh dấu được 1 hàng ngang, 1 hàng dọc, 1 hàng chéo trước thì ngừoi đó thắng. | - HS lắng nghe luật chơi và tham gia. |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4***  - GV yêu cầu nhóm hai HS tìm hiểu bài, nhận biết.  - GV sửa bài, gọi nhiều HS trình bày, khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy, chẳng hạn:  + có thể (chưa chắc quả còn chui qua được vòng tròn vì nhìn cách ném ...).  + không thể (chắc chắn quả còn không chui qua được vòng tròn vì quả còn bay thấp quá hoặc cao quá ...).  + chắc chắn (biết chắc quả còn sẽ chui qua được vòng tròn vì biết người này ném giỏi...).  - GV nhận xét phần trình bày của HS  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT5***  - GV yêu cầu HS xác định cái đã cho và câu hỏi cùa bài toán, xác định việc cần làm  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bày bài giải (có giải thích cách làm: tại sao chọn phép tính đó?)  - GV mở rộng, giới thiệu đôi nét về điệu múa sạp của dân tộc Thái. | - HS tìm hiểu và nhận biết yêu cầu của bài: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.  - HS trình bày và giải thích.  + Đây là bài toán mở, HS có thể chọn từ tuỳ theo nhận định của mình với giải thích hợp lí.  - HS lắng nghe  - HS tìm hiểu, xác định việc cần làm: giải bài toán  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày và giải thích cách làm:  Số bạn gái trong đội múa sạp là:  22 – 6 = 16 (bạn)  Đáp số : 16 bạn gái  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………................................................

**Môn: Toán**

# **BÀI:** EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ

**(Tiết 3)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

***2.2. Năng lực đặc thù***

- Ôn tập về số và phép tính:

+ Viết số theo cấu tạo thập phân của số: viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

+ So sánh, sắp thứ tự các số.

+ Thực hiện các phép tính cộng, trừ.

+ Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm thành phần trong phép cộng.

+ Giải quyết vấn đề đơn giản.

- Ôn tập về đo lường:

+ Khối lượng: ki-lô-gam.

+ Độ dài: mét.

- Sử dụng các thuật ngữ: *có thề, chắc chắn, không thể* để diễn đạt tình huống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV, hình vẽ bài thử thách.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 10 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.  **Cách tiến hành:**  - Gv cho HS hát  - Ổn định lớp | - HS hát |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT5***  - GV yêu cầu HS xác định cái đã cho và câu hỏi cùa bài toán, xác định việc cần làm  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bày bài giải (có giải thích cách làm: tại sao chọn phép tính đó?)  - GV nhận xét  ***\* Thử thách***  - GV cho HS tìm hiểu bài:  + Quan sát hình vẽ, em nhận biết điều gì?  + Bài toán yêu cầu gì?  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: Thảo luận và làm bài  - GV sửa bài, treo hình lên bảng lớp, khuyến khích các nhóm vừa trả lời vừa thao tác với tranh và ghi phép tính lên bảng lớp.  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT7***  - GV cho HS quan sát bảng, nhận biết: có mấy ngọn hải đăng, tên các ngọn hải đăng và chiều cao của từng ngọn hài đăng.  - GV yêu cầu HS đọc đề, xác định các nhiệm vụ cần làm  - GV yêu cầu HS (nhóm bốn) thảo luận và làm bài.  - GV sửa bài, khuyển khích nhiều nhóm giải thích cách làm.  - GV nhận xét  ***\* Đất nước em***  - GV giúp HS xác định vị trí các tỉnh Bình Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa và Bà Rịa – Vũng Tàu trên bản đồ (SGK trang 14) | - HS tìm hiểu, xác định việc cần làm: giải bài toán  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày và giải thích cách làm:  Số bạn diễn và khán giả có tất cả là:  128 + 465 = 593 (người)  Đáp số: 593 người  - HS lắng nghe  - HS tìm hiểu:  + Hình vẽ: có 3 con vật, các quả cân và 3 lần cân.   * Lần thứ nhất: cân con ngỗng (con ngỗng và 3 kg cân được 10 kg). * Lần thứ hai: cân con mèo (con mèo và 3 kg nặng bằng con ngỗng). * Lần thứ ba: cân 3 con vật (con ngỗng, con mèo, con chó và 1 kg cân được 40 kg).   + HS đọc yêu cầu của bài toán.  - HS có thể thực hiện như sau:  + Tìm cân nặng của con ngỗng.  + Tìm cân nặng của con mèo.  + Tìm cân nặng của con chó.  - HS trình bày:  + Ngỗng + 3 kg = 10 kg  Ngỗng = 10 kg - 3 kg = 7 kg  + Mèo + 3 kg = 7 kg  Mèo = 7 kg – 3kg = 4 kg  + Chó + 11 kg = 40 kg  Chó = 40 kg – 11 kg = 29 kg  - HS quan sát và nhận biết  - HS xác định nhiệm vụ cần làm:  a) Sắp xếp số đo chiều cao các ngọn hải đăng (từ cao đến thấp).  b) Ngọn nào cao nhất? Ngọn nào thấp nhất?  c) So sánh chiều cao của ngọn hải đăng cao nhất và thấp nhất để tìm xem cao hơn hay thấp hơn bao nhiêu mét?  - HS thảo luận và làm bài  - HS trình bày:  a) Ngọn hải đăng: Từ cao đến thấp  số đo: Từ lớn đến bé.  Xác định bắt đầu từ số lớn nhất và sắp xếp các số đo từ lớn đến bé:  170 m; 110 m, 102 m; 66 m.  b) Dựa vào dãy số trên, thông báo: ngọn hải đăng Vũng Tàu cao nhất và ngọn hải đăng Mũi Kê Gà thấp nhất.  c) Thực hiện phép trừ: 170 – 66 = 104  Ngọn hải đăng Mũi Kề Gà thấp hơn ngọn hải đăng Vũng Tàu 104 m  - HS xác định trên bản đồ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....................................................................

**Môn: Toán**

**BÀI: PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 1000**

**(Tiết 3)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Yêu nước: Yêu Quê hương, Yêu Tổ Quốc, tự hào về các địa danh trên Đất nước
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***

* Năng lực tự chủ và tự học :Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.
* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.

***2.2. Năng lực đặc thù***

* Thực hiện phép tính trừ có nhớ trong phạm vi 1000.
* Củng cố ý nghĩa của phép trừ, tên gọi các thành phần trong phép trừ, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép trừ.
* Bước đầu biết nhận xét (kiểm tra) các bài toán và sửa lại (nếu bài toán sai).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV, 3 thẻ trăm, 11 thẻ chục và 14 khối lập phương

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con, 2 thẻ trăm, 5 thẻ chục và 10 khối lập phương

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **3 phút** | 1. **KHỞI ĐỘNG**   **Hoạt động 1: Khởi động**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - Gv cho HS hát  - Ổn định lớp | - HS hát |
| **25 phút** | 1. **LUYỆN TẬP**   **Hoạt động 2: Bài mới**  ***Mục tiêu:*** *HS làm bài tập để củng cố lại cách trừ có nhớ trong phạm vi 1000*  **Cách tiến hành:**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5***  - GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi thảo luận và thực hiện rồi nói kết quả  - GV sửa bài, mời các nhóm trình bày kết quả và giải thích bằng cách theo tác trên bảng  - GV nhận xét kết quả của các nhóm  ***\* Vui học***  - GV cho HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - Sửa bài: GV mời nhiều HS trình bày bài giải (có giải thích cách làm: tại sao chọn phép tính đó?).  - GV nhận xét  ***\* Thử thách***  - GV cho HS (nhóm bốn) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài.  + Tìm thế nào?  - GV yêu cầu HS thảo luận (nhóm bốn) và thực hiện  - GV sửa bài mời HS trình bày kết quả và giải thích  - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. | - HS tìm hiểu nhận biết yêu cầu: kiểm tra đúng – sai, sửa.  - HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện  - HS trình bày:  a) Sai: vì 1 cộng 9 bằng 10.  Viết 0 nhớ 1, nhưng bạn không nhớ 1 chục  **471**  **309**  **770**  **+**  1  **471**  **309**  **780**  **+**  Sửa lại:  b) Đặt tính sai  c) Phép trừ nhưng lại thực hiện phép tính cộng  - HS lắng nghe  - HS đọc bài và xác định việc cần làm: Giải bài toán  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày kết quả và giải thích  192 - 105 = 87  Con lợn nặng 87 kg  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhận biết yêu cầu: Chữ số?  + Vận dụng mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách – gộp số để tìm số thích hợp thay cho dấu ?  - HS thảo luận thực hiện  - HS trình bày kết quả  a) 6 cộng 1 bằng 7, viết 7.  0 không trừ được 5, mượn 1 chục, 10 trừ 5 bằng 5, viết 5.  Vậy 5 cộng 5 bằng 10, viết 0 nhớ 1.  4 thêm 1 bằng 5, 5 cộng 3 bằng 8, viết 8.  Kiểm tra:  - Cách 1: Đổi chỗ các số hạng (351 + 456 = 807).  - Cách 2: Chuyển thành phép tính trừ (807 - 456 = 351 hoặc 807 - 351 = 456).  …….    - HS lắng nghe |
| **10 phút** | **C. CỦNG CỐ**  ***Mục tiêu:*** *HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học*  **Cách tiến hành:**  - GV đọc phép tính:  872 - 468; 564 – 339;….  - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. | - HS thực hiện phép tính trên bảng con  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

**Môn: Toán**

# **BÀI:** TIỀN VIỆT NAM

**( 1 tiết )**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Phẩm chất: có trách nhiệm với gia đình (ý thức tiết kiệm tiền bạc), trung thực (thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hằng ngày, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình).

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***

* Năng lực tự chủ và tự học :Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.
* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nêu được cách thức giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn.

***2.2. Năng lực đặc thù***

* Nhận biết được đơn vị tiền tệ của Việt Nam là đồng.
* Nhận biết được một số tờ giấy bạc trong phạm vi 1 000 đồng (100 đồng; 200 đồng; 500 đồng; 1000 đồng).
* Nắm được mối quan hệ trao đổi giữa giá trị (mệnh giá) của các loại giấy bạc đó.
* Biết làm các phép tính cộng, trừ trên các số với đơn vị là đồng.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV, một số tờ giấy bạc loại 100 đồng; 200 đồng; 500 đồng; 1 000 đồng và một số thẻ từ ghi 100 đồng; 200 đồng; 500 đồng; 1 000 đồng.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con, một số tờ giấy bạc loại 100 đồng; 200 đồng; 500 đồng; 1 000 đồng và một số thẻ từ ghi 100 đồng; 200 đồng; 500 đồng; 1 000 đồng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **5 phút** | **A.KHỞI ĐỘNG**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  - Ổn định lớp  - HS hát bài đi chợ  - GV dẫn dắt vào bài | - HS hát  - HS lắng nghe |
| **25 phút** | **B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH**  ***Mục tiêu:*** *HS nhận biết được đơn vị tiền Việt Nam và các tờ tiền Việt Nam trong phạm vi 1000 đồng*  **Cách tiến hành:**  ***Bước 1: Giới thiệu đơn vị thường dùng của tiền Việt Nam là đồng***  **a) Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện tiền Việt Nam**  Trong cuộc vận động đóng góp ủng hộ phòng, chống dịch bệnh Covid-19, gia đình các em đã có những tham gia nào để ủng hộ đất nước mình? (đóng góp gạo cho hệ thống ATM; đóng góp nước suối, đồ ăn cho các y bác sĩ ở các bệnh viện dã chiến; tham gia hội từ thiện;...) Nếu nhà xa, hoặc chúng ta không thể tham gia đóng góp gạo, nước, đồ ăn, ... thì chúng ta sẽ tham gia đóng góp ủng hộ bằng cách nào? (đóng góp tiền trực tiếp; hoặc gửi qua tin nhắn điện thoại, ví dụ: soạn CV n gửi 1407- trong đó n là số lần ủng hộ 20 nghìn đồng).  Vậy chúng ta có thể dùng tiền để mua bán, trao đổi, ủng hộ ,...  **b) Giới thiệu đơn vị tiền Việt Nam**  - GV giới thiệu “đồng” là đơn vị của tiền Việt Nam. Trên các phiếu ngân hàng thường ghi VNĐ (đọc là Việt Nam đồng; hiểu đơn vị tiền Việt Nam là đồng).  ***Bước 2: Giới thiệu các tờ tiền Việt Nam trong phạm vi 1000 đồng***  - GV cho HS quan sáttừng tờ tiền và yêu cầu HS nêugiá trị mỗi tờ tiền   * Tờ 100 đồng: Vì sao em biết đó là tờ tiền có ghi 100 đồng?   GV chọn lọc, giới thiệu cho HS biết thêm về tờ giấy bạc 100 đồng trong các nội dung sau:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Mệnh giá | Màu chủ đạo | Miêu tả | | | | Mặt trước | Mặt sau | Loại giấy | | 100 đ | Đỏ nâu | Quốc huy | Chùa Phổ Minh | Cotton |  * GV tiến hành tương tự với các tờ tiền 200 đồng; 500 đồng; 1000 đồng  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Mệnh giá | Màu chủ đạo | Miêu tả | | | | Mặt trước | Mặt sau | Loại giấy | | 200 đ | Đỏ nâu | Hình chủ tịch Hồ Chí Minh | Sản xuất nông nghiệp | Cotton | | 500 đ | Đỏ cánh sen | Hình chủ tịch Hồ Chí Minh | Phong cảnh sảng Hải Phòng | Cotton | | 1000 đ | Màu xanh vàng | Hình chủ tịch Hồ Chí Minh | Cảnh khai thác gỗ | Cotton |   ***Bước 3: Thực hành***  **Bài 1: Hoạt động nhóm đôi**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tự quan sát lại một số tờ tiền đã được GV phát trong nhóm. Sau đó nói cho nhau nghe:  a) Mỗi tờ tiền có giá trị bao nhiêu đồng?  b) Nói về màu sắc và hình ảnh trên mỗi tờ tiền.  - GV sửa bài, mời HS nêu lại cho cả lớp cùng nghe.  - GV nhận xét, tổng kết  **Bài 2: Làm việc theo nhóm**  - GV yêu cầu HS sắp xếp các tờ tiền theo giá trị từ lớn đến bé  - GV sửa bài, mời các nhóm trình bày kết quả đã sắp xếp  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm sắp xếp chính xác | - HS lắng nghe, trả lời các câu hỏi của GV  - HS lắng nghe và ghi nhớ  - HS quan sát và trả lời:  + Mặt trước mặt sau có ghi chữ Một trăm đồng và số 100  + HS lắng nghe GV giới thiệu  - HS làm việc cá nhân, quan sát tò tienf và nói cho nhau nghe  - HS nêu lại  - HS lắng nghe GV  - HS chia sẻ trong nhóm để các bạn cùng tham gia sắp xếp  - HS trình bày  - HS lắng nghe  - HS đọc và xác định  - HS lắng nghe GV nhắc nhở và ghi nhớ |
|  | **C. CỦNG CỐ**  **Mục tiêu:** HS củng cố lại các kiến thức đã được học trong bài  **Cách tiến hành:**  - GV nhắc nhở HS ý thức khi sử dụng tiền:  + Giữ gìn tiền cẩn thận.  + Rửa tay sau khi tiếp xúc với tiền.  + Tiết kiệm.  + Trung thực.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. | - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....